

Bản án số: 246/2022/DS-PT

Ngày: 13-12 - 2022

V/v “Tranh chấp quyền về lối đi qua”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Cao Văn Lạc

*Các Thẩm phán:*

Ông Nguyễn Văn Trường

Bà Đặng Thị Ánh Bình

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lưu Thị Nhơn – Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long:** Bà Trần Ngọc Bích - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 212/2022/TLPT-DS ngày 13 tháng 10 năm 2022 về “Tranh chấp quyền về lối đi qua”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 88/2022/DSST ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 221/2022/QĐPT-DS ngày 18 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị M**, sinh năm 1966.

\*Bị đơn: Ông **Ngô Hữu S**, sinh năm 1971.

\*Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

- **Hồ Thị Diệp H**, sinh năm 1976

Các đương sự cùng trú tại ấp Xuân Minh 2, xã Trung Thành, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

*- Người kháng cáo: Bị đơn ông Ngô Hữu S*

*- Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

\* Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 3 năm 2021 và những lời khai khác có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bà Huỳnh Thị M trình bày: Bà là chủ sử dụng thửa đất 128 tờ bản đồ số 9, diện tích 2.981,5 m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp Xuân Minh 2, xã Trung Thành, thửa đất của bà có giáp với đường đi công cộng ở mặt sau thửa đất chiều dài khoảng 30m, một mặt giáp với đất của Ngô Hữu S, từ trước tới nay gia đình bà M sử dụng lối đi ra đường công cộng là đi qua đất của Ngô Hữu S có chiều dài 4m, chiều ngang khoảng 2,2m lối đi này đã có lịch sử gần 100 năm nay, gia đình bà được sử dụng từ thời mẹ của bà. Khoảng 1994 giữa hai gia đình phía bà M1 và mẹ của bà là bà N có tranh chấp liên quan đến lối đi này, năm 1995 Ủy ban nhân dân huyện Vũng Liêm có văn bản giải quyết, buộc bà M1 tháo dỡ hàng rào trả lại hiện trạng lối đi do đã có cách đó nhiều năm. Từ 1995 đến nay gia đình bà vẫn sử dụng lối đi này ra đường công cộng và có khoảng 3 lần tu bổ đường đi bằng hình thức trộn bê tông để nâng cấp lên như hiện trạng. Gia đình bà đã sử dụng lối đi này ổn định qua thời gian dài, là lối đi thuận tiện nhất từ nhà bà ra đường công cộng. Gần đây giữa hai gia đình xảy ra mâu thuẫn, phía ông S không cho gia đình bà đi trên lối đi này nữa. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Ngô Hữu S dành cho bà lối đi qua để đi như hiện trạng và bà trả giá trị phần diện tích đất làm đường đi. Tại phiên tòa sơ thẩm bà yêu cầu phía ông Ngô Hữu S tiếp tục cho gia đình bà sử dụng diện tích tranh chấp làm lối đi ra đường công cộng, bà sẽ tự nguyện bỏ ra chi phí lắp ống cống đường kính 50cm để đảm bảo thoát nước cho phần còn lại của thửa 127, đồng thời trả giá trị đất cho ông Ngô Hữu S diện tích 10,6 m<sup>2</sup> đất tranh chấp nhưng đất vẫn do anh S đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đồng thời bà tự nguyện chịu chi phí khảo sát, đo đạc.

Bị đơn Ngô Hữu S trình bày: anh là người đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 127 tờ bản đồ số 9 có diện tích 529,9 m<sup>2</sup> đất anh giáp ranh với đất chị M, lối đi chị M đang đi chiều ngang một đầu là 2,2 m một đầu 2,8 m chiều dài 4,2 m diện tích 10,5m<sup>2</sup> diện tích này nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh, lối đi này trước đây mẹ anh cho khoảng 6 hộ đi trên con đường mòn ngang khoảng 0,5m trong đó có gia đình chị M, những hộ phía sau phải đi ngang qua đất của chị M. Khoảng năm 1993 chị M rào đường không cho những hộ phía sau đi ngang đất của chị để ra đường công cộng các hộ phía trong buộc phải tạo lối đi khác, lối đi qua đất nhà anh ra đường công cộng chỉ còn duy nhất hộ của chị M sử dụng, do hai bên có tranh chấp đất đai địa phương nhiều lần giải quyết nhưng không đạt kết quả, vì con đường này đã xảy ra mâu thuẫn giữa hai gia đình. Năm 1995 gia đình anh rào lại không cho đi nữa, Ủy ban nhân dân huyện có văn bản yêu cầu tháo dỡ hàng rào tạm thời cho đi để giải quyết tranh chấp đất đai, ngày 9/5/1995 Ủy ban nhân dân huyện ban hành quyết định số 53 thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cả hai bên để xác định lại diện tích

tranh chấp nhưng đến 2010 vẫn chưa giải quyết xong. Từ năm 2000 đến nay chị M tự ý nói rộng con đường đi bằng bê tông, gia đình đã phản đối nhưng chị M vẫn thực hiện đến nay con đường đã rộng như hiện trạng. Anh không đồng ý như yêu cầu của chị M với lý do đất anh bị chia thành hai mảnh nhỏ không có điều kiện thoát nước gây thiệt hại cây trồng trên đất còn lại, đất của chị M có 02 mặt tiền giáp lộ công cộng có đủ điều kiện làm lối đi riêng cho gia đình chị M không phải đi nhờ qua phần đất của anh. Đất hiện nay do anh đứng tên giấy chứng nhận nên có quyền tự quyết định cho đi hay không cho đi qua phần đất anh được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Yêu cầu chị M phải trả lại phần đất đã chiếm dụng có diện tích 10,5m<sup>2</sup> thuộc thửa 127 do anh đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tháo dỡ di dời bê tông do tự ý xây dựng trái phép trên phần đất của anh, chị M phải tự mở con đường khác từ đất của mình đi ra đường đi công cộng, anh không cho đi nhờ nữa, đất của ông bà anh không sang bán cho ai cả.

Theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 18/4/2022 của Phòng tài nguyên và môi trường huyện Vũng Liêm xác định phần đất tranh chấp có diện tích 11m<sup>2</sup> trong đó có 10,6m<sup>2</sup> đất thuộc quyền sử dụng thửa 127 và 0,4m thuộc đất giao thông.

Tại biên bản khảo sát định giá ngày 29/11/2021, Hội đồng định giá xác định phần đường đal có chiều ngang 2,55m x 4,32m = 11m<sup>2</sup> có giá trị bằng 493.000 đồng.

\* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 88/2022/DSST ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 254 Bộ luật dân sự 2015; Điều 100, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013,

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

**\* Tuyên xử:**

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị M. Giữ nguyên hiện trạng lối đi ra đường công cộng của gia đình bà M có diện tích 10,6m<sup>2</sup> thuộc thửa 127 do ông Ngô Hữu S đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. (Có trích đo bản đồ địa chính khu đất kèm theo)

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Huỳnh Thị M tự nguyện bỏ ra chi phí lắp ống cống đường kính 50cm để đảm bảo thoát nước cho phần còn lại của thửa 127, đồng thời trả giá trị đất cho ông Ngô Hữu S diện tích 10,6m<sup>2</sup> đất tranh chấp bằng số tiền 1.272.000

đồng (Một triệu hai trăm bảy mươi hai ngàn đồng) và chi phí khảo sát, đo đạc 2.226.000 đồng (Hai triệu hai trăm hai mươi sáu ngàn đồng).

[2] Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Ngô Hữu S yêu cầu buộc gia đình bà Huỳnh Thị M tháo dỡ, di dời phần đường bê tông, trả lại cho anh diện tích đất 10,6m<sup>2</sup> thuộc thửa 127 do ông đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí sơ thẩm, chi phí khảo sát đo đạc và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

\* Ngày 05/9//2022 bị đơn ông Ngô Hữu S có đơn kháng cáo nội dung như sau: không đồng ý với Bản án dân sự sơ thẩm số 88/2022/DSST ngày 24/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long yêu cầu sửa bản án theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị M. Chấp nhận đơn phản tố của bị đơn, bị đơn đồng ý hỗ trợ bồi hoàn chi phí của bà M đã xây dựng bê tông trên đất là 490.000đ.

\* Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm có Quyết định kháng nghị số 391/QĐ – VKS – DS ngày 08/9/2022 đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 88/2022/DSST ngày 24/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long với nội dung như sau: có căn cứ xác định phần đất của nguyên đơn bà M tại thửa 128 không bị bao bọc bởi các bất động sản liền kề. Thửa 128 của bà M có 02 lối đi để ra đường công cộng như nhận định của bản án sơ thẩm nhưng cấp sơ thẩm lại buộc bị đơn ông S phải mở lối đi cho bà M là chưa phù hợp với quy định tại Điều 254 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Đề nghị căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 88/2022/DSST ngày 24/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Về xác định nghĩa vụ nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm chưa đầy đủ: Trong vụ án ngoài khởi kiện của nguyên đơn Tòa án còn thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn. Trường hợp Tòa án giải quyết chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn thì bị đơn phải chịu án phí 300.000.000đ đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận và 300.000đ đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận. Do đó bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn nhưng chỉ buộc ông Sang chịu án phí 300.000đ là chưa đầy đủ.

Tại phiên tòa phúc thẩm: bị đơn Ngô Hữu S giữ nguyên kháng cáo.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long giữ nguyên Kháng nghị: 391/QĐ – VKS – DS ngày 08/9/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm.

**\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:**

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến xét xử phúc thẩm.

Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết chưa đảm bảo quyền và lợi ích của bị đơn vì tại thời điểm khởi kiện nguyên đơn không chứng minh thửa đất 128 không bị vây bọc.

Ngược lại thì bị đơn phản tố là có căn cứ vì hiện trạng lối đi trước đây ra đường công cộng mà gia đình bà M yêu cầu bị đơn mở lối đi qua có diện tích 10,6m<sup>2</sup> thuộc thửa 127 có chiều ngang 2,55m x chiều dài 4,32m, do bị đơn Ngô Hữu S đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Lối đi mà nguyên đơn khởi kiện không phải là lối đi duy nhất vì theo biên bản khảo sát hiện trạng sử dụng đất ngày 29/11/2021 thửa đất 128 có một cạnh giáp đường nhựa có chiều dài 24m (b1 67) và một cạnh giáp rạch có đê bao chiều dài 82,46m. Do vậy kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm và kháng cáo của bị đơn S yêu cầu sửa bản án dân sự sơ thẩm bác khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu mở lối đi là có căn cứ đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Tòa án cấp phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long cần sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, chấp nhận kháng cáo của bị đơn S buộc nguyên đơn M phải tháo dỡ, di dời bê tông trả lại phần diện tích 10,6m<sup>2</sup> thuộc thửa 127 cho bị đơn. Bác khởi kiện của nguyên đơn xác định lại nghĩa vụ nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm nguyên đơn phải nộp 300.000đ. Từ những phân tích trên áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 88/2022/DSST ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm; Chấp nhận kháng cáo của bị đơn Ngô Hữu S.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 24/8/2022 Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long xét xử và tuyên án sơ thẩm. Ngày 05/9/2022 bị đơn ông Ngô Hữu S có đơn kháng cáo là còn trong thời hạn kháng cáo; Ngày 08/9/2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm có kháng nghị là còn trong thời hạn kháng nghị theo quy định tại Điều 273, Điều 280 và được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm được qui định tại Điều 293 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn Huỳnh Thị M yêu cầu bị đơn Ngô Hữu S và các thành viên trong gia đình phải mở lối đi cho gia đình bà diện tích theo đo đạc 10,6m<sup>2</sup> bà

đồng ý bồi hoàn giá trị phần đất làm lối đi theo gia Hội đồng định giá đã định giá. Vì lý do thửa đất của nguyên đơn là thửa 128, tờ bản đồ số 9 diện tích 1.981,5m<sup>2</sup> liền kề thửa đất 127 tờ bản đồ số 9 diện tích 529,9m<sup>2</sup> do bị đơn Ngô Hữu S đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Để đi ra đường công cộng gia đình bà phải đi qua đất của bị đơn ông S. Năm 2021 ông S không cho gia đình nguyên đơn đi trên lối đi này. Bị đơn ông Ngô Hữu S không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và phản tố yêu cầu xử buộc nguyên đơn phải tháo dỡ, di dời bê tông để trả lại phần đất có diện tích theo đo đạc 10,6m<sup>2</sup> cho bị đơn.

Cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Xét kháng cáo của bị đơn Ngô Hữu S là không có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, phần lối đi đang tranh chấp đã có từ rất lâu, sử dụng qua nhiều đời. Có nhiều tranh chấp xảy ra từ việc gia đình nguyên đơn bà M đi trên lối đi này và đã nhiều lần được Ủy ban nhân dân huyện giải quyết cụ thể: Ngày 06/9/1995 Ủy ban nhân dân huyện Vũng Liêm ra *Quyết định số 50/QĐ – UBH về việc “ xử lý người có hành vi tự ngăn đường trái phép”* trong quyết định này nêu rõ xử lý cảnh cáo đối với bà Huỳnh Thị M1 (là mẹ của bị đơn Ngô Hữu S) cùng các thành viên trong hộ buộc phải tự tháo gỡ hàng rào ngăn đường đi vào nhà bà Huỳnh Thị N ( mẹ của nguyên đơn Huỳnh Thị M) để khôi phục lại hiện trạng cũ đường đi này; đường đi vào nhà bà Huỳnh Thị N đã có từ trước đến nay nên việc bà Huỳnh Thị M1 tự ý làm hàng rào ngăn lối đi là trái pháp luật.

Và tại cấp phúc thẩm nguyên đơn có cung cấp thêm *Quyết định số 18/QĐ- UBH ngày 04/7/1999 của Ủy ban nhân dân huyện Vũng Liêm về việc: “giải quyết đơn yêu cầu của bà Huỳnh Thị N”*. Trong quyết định này có nêu rõ: việc tranh chấp giữa hai bên gia đình nguyên đơn và bị đơn đã được Ủy ban nhân dân huyện Vũng Liêm giải quyết vào năm 1995 và hiện nay đang chờ giải quyết cấp cuối cùng (Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh long). Buộc gia đình bà Huỳnh Thị N phải khôi phục lại đường nước; buộc gia đình bà Huỳnh Thị M1 phải khôi phục lại lối đi vào nhà bà Huỳnh Thị N theo hiện trạng.

Hơn nữa, trong quá trình đi lại nguyên đơn rất nhiều lần đã bỏ ra chi phí cho việc nâng cấp lối đi này từ đường đất thành đường bê tông như hiện tại phía bị đơn cũng không khiếu nại. Mặt khác, qua khảo sát thực tế lối đi trên là thuận lợi nhất chỉ đi qua một phần rất nhỏ trên phần đất của bị đơn và cũng không gây ảnh hưởng lớn đến phần đất của bị đơn. Tại cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu mở lối đi ra đường công cộng, nguyên đơn tự nguyện bỏ ra chi phí lắp đặt đường ống cống 50cm để đảm bảo thoát nước phần đất còn lại của thửa 127 của bị đơn đồng thời cũng đồng ý trả giá trị diện tích 10,6m<sup>2</sup> đất đang tranh chấp cho bị đơn

ông Sang và ông Sang vẫn là người đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chi phí khảo sát, đo đạc và định giá nguyên đơn tự nguyện chịu. Do đó, cấp sơ thẩm xét xử là có cơ sở.

Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm là không có căn cứ.

Từ nhận định trên:

Xét kháng cáo của bị đơn ông Ngô Hữu S là không có căn cứ.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long về phần lỗi đi là phù hợp với thực tế nên không chấp nhận.

Về án phí phúc thẩm: bị đơn ông Ngô Hữu S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vi các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Ngô Hữu S.

Không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm.

Giữ bản án dân sự sơ thẩm số: 88/2022/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 254 Bộ luật dân sự 2015; Điều 100, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013,

Căn cứ Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

#### **\* Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị M. Giữ nguyên hiện trạng lối đi ra đường công cộng của gia đình bà M có diện tích 10,6m<sup>2</sup> thuộc thửa 127 do ông Ngô Hữu S đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. ( Có trích đo bản đồ địa chính khu đất kèm theo )

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Huỳnh Thị M tự nguyện bỏ ra chi phí lắp ống cống đường kính 50cm để đảm bảo thoát nước cho phần còn lại của thửa 127, đồng thời trả giá trị đất cho ông Ngô Hữu S diện tích 10,6m<sup>2</sup> đất tranh chấp bằng số tiền 1.272.000 đồng (Một triệu hai trăm bảy mươi hai ngàn đồng) và chi phí khảo sát, đo đạc 2.226.000 đồng (Hai triệu hai trăm hai mươi sáu ngàn đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Ngô Hữu S yêu cầu buộc gia đình bà Huỳnh Thị M tháo dỡ, di dời phần đường bê tông, trả lại cho ông diện tích đất 10,6m<sup>2</sup> thuộc thửa 127 do ông đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Huỳnh Thị M không phải chịu án phí, bà M được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008919 ngày 15/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm.

- Buộc ông Ngô Hữu S phải nộp 300.000 đồng đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận. Được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000đ ông Ngô Hữu S đã nộp theo Biên lai thu số 0007806 ngày 05/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông Ngô Hữu S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ. Được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí ông Ngô Hữu S đã nộp theo Biên lai thu số 0008676 ngày 05/9/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND CC tại TP HCM: 01b;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 01b;
- CA.TAND TVL: 01b;
- Phòng KTNV&THA TAND TVL: 01b;
- TAND H. Vũng Liêm: 01b;
- Chi cục THADS H. Vũng Liêm : 01b;
- Mỗi đương sự: 01bản;
- Lưu HS: 06b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Cao Văn Lạc**